TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 16

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 79,362 đến hàng phần mười ta được:

A. 79,4 **B.** 79,36 **C.** 79,6 **D.** 79,3

Câu 2. Số thập phân gồm 99 đơn vị, 8 phần mười, 2 phần trăm và 9 phần nghìn viết là:

A. 99,8029 **B.** 990,829 **C.** 99,829 **D.** 99,0829

Câu 3. Có 58,4 l nước mắm rót đều vào 4 can. Mỗi can có số lít nước mắm là:

A. 14,6 l **B.** 146 l **C.** 14,7 l **D.** 54,4 l

Câu 4. 98,95 : 10 = …….

A. 989,5 **B.** 98 950 **C.** 9895 **D.** 9,895

Câu 5. 33 000 m² = ……. ha

A. 330 **B.** 3,3 **C.** 33 **D.** 0,33

Câu 6. Hình thang vuông là hình thang có:

A. một cạnh bên vuông góc với hai đáy

B. hai đáy bằng nhau

C. hai cạnh bên bằng nhau

D. bốn góc vuông

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 24,66 ……. 24,76

b) 8,1 ……. 8,10

c) 2 tấn 50 kg ……. 2,05 tấn

d) 5 ha ……. 50 000 m²

Bài 2. Cho các số thập phân: 15,6; 15,73; 15,486; 15,8; 15,256.

a) Số bé nhất là: …….

b) Số lớn nhất là: …….

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: …….

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Bài 3. Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) $5/4 : 2/3 =$ …….

b) $11/9 + 2/3 =$ …….

c) $7/4 - 1/5 =$ …….

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 m 8 cm = ……. m

b) 6 kg 32 g = ……. kg

c) 6 km^2 = ……. ha

d) 3300 m^2 = ……. ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 3 cm: ……. cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 3 cm: ……. cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 54 dm: ……. dm

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 57,4 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 3,6 kg, ngày thứ ba bán được 22,45 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Cả ba ngày bán được: ……. kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 16

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	A	D	B	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 24,66 < 24,76

b) 8,1 = 8,10

c) 2 tấn 50 kg = 2,05 tấn

d) 5 ha = 50 000 m²

Bài 2.

Xếp từ bé đến lớn: 15,256 < 15,486 < 15,6 < 15,73 < 15,8

a) 15,256

b) 15,8

c) 15,6

d) 15,8 + 15,256 = 31,056

Bài 3.

a) 5/4 : 2/3 = 15/8

b) 11/9 + 2/3 = 17/9

c) 7/4 − 1/5 = 31/20

Bài 4.

a) 4,08

b) 6,032

c) 600

d) 0,33

Bài 5.

a) 3 × 2 × 3,14 = 18,84

b) 3 × 3 × 3,14 = 28,26

c) 54 × 3,14 = 169,56

Bài 6.

Ngày thứ hai: 57,4 − 3,6 = 53,8 (kg)

Cả ba ngày: 57,4 + 53,8 + 22,45 = 133,65 (kg)

Trung bình: 133,65 : 3 = 44,55 (kg)